

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Ninh Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã và hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1971/TTr-SKHĐT ngày 06/6/2019 và ý kiến của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số *58* /BC-VPUB ngày *30*/7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế:

- Quyết định số 2320/QĐ-UBND ngày 06/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính chuẩn hóa trên lĩnh vực đăng ký kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Thủ tục hành chính tại Phần II - Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động hợp tác xã ban hành kèm theo Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ Danh mục thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm cung cấp đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết các thủ tục hành chính để các huyện, thành phố tỉnh niêm yết, công khai thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *h*

- Như Điều 4;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- TT CNTT&TT (Sở TTTT);
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT, TTPVHCC. TXS



CHỦ TỊCH

Lưu Xuân Vĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA UBND CẤP HUYỆN TỈNH NINH THUẬN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký thành lập hợp tác xã	03 ngày làm việc	Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện	200.000 đồng/lần	- Căn cứ Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Quyết định số 81/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 của UBND tỉnh
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	03 ngày làm việc	- Như trên -	Không quy định	- Như trên -
3	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	03 ngày làm việc	- Như trên -	30.000 đồng/lần	- Như trên -
4	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn	03 ngày làm việc	- Như trên -	Không quy định	- Như trên -

h

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã				
5	Đăng ký khi hợp tác xã chia	03 ngày làm việc	- Như trên -	30.000 đồng/lần	- Như trên -
6	Đăng ký khi hợp tác xã tách	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
7	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
8	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	03 ngày làm việc	- Như trên -	- 30.000 đồng/lần - Đối với chi nhánh, văn phòng đại diện: Không quy định.	- Như trên -
10	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	03 ngày làm việc	- Như trên -	Không quy định	- Như trên -
11	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	03 ngày làm việc	- Như trên -	30.000 đồng/lần	- Như trên -
12	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	03 ngày làm việc	- Như trên -	Không quy định	- Như trên -

ba

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
13	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
14	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	03 ngày làm việc	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
15	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	03 ngày làm việc	- Như trên -	30.000 đồng/lần	- Như trên -
16	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	03 ngày làm việc	- Như trên -	Không quy định	- Như trên -